

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.106
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Hiệp
Địa chỉ / address: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,13	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,43	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,61	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Thư L

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC
Thư L
Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.107

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Hiệp

Địa chỉ / address: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,13	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,41	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,40	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.108
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Hiệp
Địa chỉ / address: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	6,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,13	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,39	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,21	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
K.T. Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC


Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.115

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Ninh

Địa chỉ / address: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysic : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,2	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,10	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,45	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,61	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

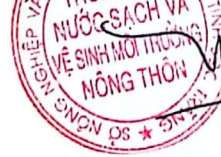
Officer in charge of laboratory

ThL

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.116

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Ninh

Địa chỉ / address: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,2	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,10	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,43	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,39	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

ThVL

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.117

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước An Ninh

Địa chỉ / address: xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lòng, trong

Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,2	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,10	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,41	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory



Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.124

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)

Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Đắc Lự

Địa chỉ / address : xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,2	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,32	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,40	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,61	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Thư L

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.125

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Đắc Lự

Địa chỉ / address : xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,2	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,32	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,38	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,42	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.126

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Đắc Lự

Địa chỉ / address : xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,2	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,32	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,36	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,22	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.136

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Mỹ Đức

Địa chỉ / address : xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,05	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,54	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,61	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Tha

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Hải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.137

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Mỹ Đức

Địa chỉ / address : xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantity : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,05	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,52	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,40	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Tha

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.138

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Mỹ Đức

Địa chỉ / address : xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,05	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,50	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

ThsL

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.109
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Phú Tâm
Địa chỉ / address: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,3	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,74	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,60	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,61	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Thư L

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC
Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.110

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Phú Tâm

Địa chỉ / address: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,3	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,74	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,58	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,40	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại : 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03



Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.111

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Phú Tâm

Địa chỉ / address: xã Phú Tâm, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantity : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,3	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,74	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,56	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC


Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.100

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Phú Tân

Địa chỉ / address: xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantity : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,3	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	1,22	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,44	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,61	0,2-1,0	SMEWW 4500-CLO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director



PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Văn Khải

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.101

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Phú Tân

Địa chỉ / address: xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,3	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	1,22	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,42	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,39	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

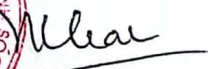
Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC


Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.102

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Phú Tân

Địa chỉ / address: xã Phú Tân, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,3	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	1,22	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,40	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.103

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước TĐC An Hiệp

Địa chỉ / address: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,6	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,61	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,51	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,62	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.104

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước TĐC An Hiệp

Địa chỉ / address: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,6	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,61	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,49	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,41	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code : 24.05.105

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước TĐC An Hiệp

Địa chỉ / address: xã An Hiệp, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,6	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,61	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,47	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
NƯỚC PHỐ GIÁM ĐỐC
NÔNG THÔN

Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.127

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước TĐC Thuận Hòa

Địa chỉ / address : thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	1,20	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,56	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,61	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC




Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.128

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước TĐC Thuận Hòa

Địa chỉ / address : thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	1,20	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,54	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,40	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Thư L

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024



Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.129

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước TĐC Thuận Hòa

Địa chỉ / address : thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	1,20	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,52	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,21	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Thư ký

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/code: 24.05.118

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thiện Mỹ

Địa chỉ / address : xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,15	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,50	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,62	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

ThaL

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.119

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thiện Mỹ

Địa chỉ / address : xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,15	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,48	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,41	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Thư L

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024



Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.120

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thiện Mỹ

Địa chỉ / address : xã Thiện Mỹ, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,15	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,46	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,21	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.130

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thuận Hòa A

Địa chỉ / address : thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,43	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,40	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,62	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Thư L

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.131

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thuận Hòa A

Địa chỉ / address : thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,43	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,38	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,40	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Thư L

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/code: 24.05.132

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thuận Hòa A

Địa chỉ / address : thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,9	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,43	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,37	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,21	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03



Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.112

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thuận Hòa B

Địa chỉ / address: xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,2	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,17	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,56	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,61	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

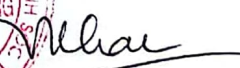
Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.113

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thuận Hòa B

Địa chỉ / address : xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysic : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,2	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	2,17	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,54	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,39	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.114

Tên mẫu /Sample: Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Trạm cấp nước Thuận Hòa B

Địa chỉ / address: xã Thuận Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving: 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description: Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,2	6-8,5	TCVN 6492:2011 (*)
2	Màu sắc	TCU	2,17	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,53	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

ThaL

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Xương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.121
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Xà Lang
Địa chỉ / address : ấp Xà Lang, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024
Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,24	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,89	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,60	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Thư L

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KIT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC
Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.122
Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)
Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Xà Lang
Địa chỉ / address : ấp Xà Lang, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng
Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024
Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024
Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong
Lượng mẫu/ Quantity: 2 lít + 200ml
Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024
Lưu mẫu/ Storage: Có ☒ Không ☐
Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,24	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,87	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,42	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm
Officer in charge of laboratory

Tha.L

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC
Tha

Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

- SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải
- TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam
- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.
- Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/
- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/code: 24.05.123

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Xà Lang

Địa chỉ / address : ấp Xà Lang, xã An Ninh, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	4,24	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,85	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,22	0,2-1,0	SMEWW 4500-CLO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Thư L

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.133

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Đầu nguồn)

Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Xây Đá A

Địa chỉ / address : xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lồng, trong

Lượng mẫu/ Quantily: 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis: Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,71	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,45	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,56	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

Ths L

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024

KT Giám đốc / Director

PHÓ GIÁM ĐỐC



Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN
PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.134

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Trên tuyến ống mạng)

Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Xây Đá A

Địa chỉ / address : xã Hồ Đắc Kien, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysisic : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,71	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,43	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,35	0,2-1,0	SMEWW 4500-CIO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory



Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater : Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC


Trương Văn Khải

SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN SÓC TRĂNG
TRUNG TÂM NƯỚC SẠCH VÀ VỆ SINH MÔI TRƯỜNG NÔNG THÔN
PHÒNG CẤP NƯỚC AN TOÀN

PHIẾU KẾT QUẢ
(ANALYTICAL RESULTS)

Mã số mẫu/ code: 24.05.135

Tên mẫu /Sample : Nước sinh hoạt (Cuối nguồn)

Khách hàng /Client: Hệ cấp nước Xây Đá A

Địa chỉ / address : xã Hồ Đắc Kiện, huyện Châu Thành, tỉnh Sóc Trăng

Ngày nhận mẫu /Date of receiving : 06/05/2024

Ngày trả kết quả / Date of issue: 13/05/2024

Tình trạng mẫu/ sample description : Lỏng, trong

Lượng mẫu/ Quantily : 2 lít + 200ml

Thời gian phân tích/ Date of analysis : Từ ngày 06/05/2024 đến ngày 11/05/2024

Lưu mẫu/ Storage : Có ☒ Không ☐

Kết quả thử nghiệm / Test result

STT	Tên chỉ tiêu Specifications	Đơn vị tính Measuring Unit	Kết quả Test Result	Giới hạn theo QCVN 01- 1:2018/BYT	Phương pháp Test Method
1	pH	-	7,1	6-8,5	TCVN 6492:2011(*)
2	Màu sắc	TCU	3,71	15	SMEWW 2120C: 2012 (*)
3	Mùi vị	-	Không có mùi vị lạ	Không có mùi vị lạ	TCVN 2653:1978 (*)
4	Độ đục	NTU	0,41	2	TCVN 6184:2008 (*)
5	Clo dư	mg/L	0,20	0,2-1,0	SMEWW 4500-ClO ₂ -B:2012(*)
6	Coliform	CFU/100ml	KPH	<3	TCVN 6187-2:1996 (*)
7	E.coli	CFU/100ml	KPH	<1	TCVN 6187-2:1996 (*)

(*) Phương pháp đã được VILAS công nhận / Methods Accredited by VILAS

(#) Phương pháp sử dụng nhà thầu phụ / Analysed by Subcontract

KPH: không phát hiện

Phòng thử nghiệm

Officer in charge of laboratory

ThvL

Mai Thị Bảo Cúc

Ghi chú:

-SMEWW/Standard Methods for the examination of water and wastewater: Các phương pháp tiêu chuẩn thử nghiệm nước và nước thải

-TCVN: Tiêu chuẩn Việt Nam

-Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử nghiệm.

-Kết quả này không được sao chép từng phần, ngoại trừ toàn bộ, nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Giám Đốc/

- Thời gian khiếu nại về kết quả: 3 ngày sau khi nhận kết quả.

Địa chỉ: 86 Lê Duẩn, Phường 3, TP Sóc Trăng.

Điện thoại: 02993822262

Fax: 02993822262

BM.06.07 – LBH : 03

Sóc Trăng, Ngày 13/05/2024
KT Giám đốc / Director
PHÓ GIÁM ĐỐC

Trương Văn Khải